

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6103/TTr-SXD ngày 13 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đường Hùng Vương nối dài thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng đường Hùng Vương nối dài.
2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông (đường giao thông đô thị) cấp III (vận tốc thiết kế 50km/h).
3. Địa điểm xây dựng: thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
4. Chủ đầu tư: UBND huyện Tân Phú.
5. Đơn vị khảo sát địa hình, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển An Giang có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp theo quy định.
6. Đơn vị khảo sát địa chất xây dựng: Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp theo quy định.
7. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Devic Group Việt có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp theo quy định.
8. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng công trình:
 - Chủ trì Khảo sát địa hình: Lương Thành Đức chứng chỉ số ANG-00017520 do Sở Xây dựng An Giang cấp ngày 20/3/2018.
 - Chủ trì Khảo sát địa chất: Trương Ngọc Tuấn chứng chỉ số BXD-00091245 ngày 04/6/2020 do Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng-Bộ Xây dựng cấp.
 - Chủ nhiệm thiết kế: KS. Đoàn Văn Sài chứng chỉ số ANG-00006752 do Sở Xây dựng An Giang cấp ngày 06/10/2017.
 - Chủ trì thiết kế đường giao thông, thoát nước: KS. Đoàn Văn Nở chứng chỉ số ANG-00001586 do Sở Xây dựng An Giang cấp ngày 15/9/2017.

- Chủ trì thiết kế điện chiếu sáng: KS. Võ Minh Xuân chứng chỉ số BXD-00060687 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp ngày 28/5/2019.

- Chủ trì lập dự toán: KS. Phan Doãn Kiên chứng chỉ số ANG-00012910 do Sở Xây dựng An Giang cấp ngày 20/11/2017.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế giao thông: KS. Vũ Tô Hoài chứng chỉ số DON-00058550 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp ngày 21/5/2019.

- Chủ trì thẩm tra điện chiếu sáng: KS. Hoàng Đình Hiệp chứng chỉ số HCM-00081052 do Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2020.

- Chủ trì thẩm tra dự toán: Đỗ Văn Phú chứng chỉ số DON-00020777 ngày 22/3/2018 do Sở Xây dựng Đồng Nai cấp.

9. Quy mô đầu tư, phương án thiết kế và giải pháp xây dựng:

- Tốc độ thiết kế: 50 km/h.

- Loại, cấp công trình: Đường giao thông đô thị, cấp III.

- Loại tầng mặt thiết kế: Cấp cao A1.

- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn P_{tt} : 100kN.

- Moduyn đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 130$ Mpa.

a) Bình đồ tuyến:

- Tim tuyến xác định theo tim đường quy hoạch.

- Trên tuyến bố trí 05 đường cong nằm tại các vị trí:

+ KM0+147 có $R = 530$ m, $I_{sc} = 2\%$

+ KM0+627.56 có $R = 500$ m, $I_{sc} = 2\%$

+ KM0+877.51 có $R = 500$ m, $I_{sc} = 2\%$

+ KM1+148.70 có $R = 1000$ m, không bố trí độ dốc siêu cao.

+ KM1+269.65 có $R = 1000$ m, không bố trí độ dốc siêu cao.

- Bán kính bó vỉa tại các ngã giao $R = 12$ m.

b) Thiết kế trắc dọc tuyến:

- Khống chế cao độ thiết kế theo quy hoạch tổng thể xây dựng thị trấn Tân Phú được duyệt tại các vị trí giao cắt; cao độ thiết kế nằm trong khoảng $134,03\text{m} \div 138,0\text{m}$.

- Độ dốc dọc thiết kế tối đa 3,51%.

- Trên tuyến có bố trí 6 đường cong đứng tại các vị trí:

+ KM0+18.54 có $R = 1100$ m, $T = 14,07$ m, $P = 0,09$

+ KM0+134.16 có $R = 3000$ m, $T = 38,73$ m, $P = 0,25$

+ KM0+721.00 có $R = 3000$ m, $T = 64,80$ m, $P = 0,70$

+ KM0+859.69 có $R = 2000$ m, $T = 48,09$ m, $P = 0,58$

+ KM1+450.97 có $R = 7500$ m, $T = 48,02$ m, $P = 0,15$

+ KM1+636.82 có $R = 7500$ m, $T = 45,70$ m, $P = 0,14$.

c) Thiết kế mặt cắt ngang tuyến:

- Quy mô mặt cắt ngang nền đường rộng 22,5m, trong đó:
 - + Lòng đường rộng 10,5m
 - + Vĩa hè mỗi bên rộng 6,0m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%; có bố trí siêu cao tại các vị trí đường cong.

d) Thiết kế nền đường:

- Đào đắp nền đường theo cao độ thiết kế, lu lèn độ chặt $K \geq 95$
- Taluy nền đường đào 1:1, nền đắp 1:1,5.

đ) Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới:

- + BTN C9.5 dày 3cm.
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m².
- + BTNC C12.5 dày 5cm.
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m².
- + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm.
- + Đắp đất chọn lọc cấp III dày 30cm, $K \geq 0.98$.
- + Vết bùn hữu cơ dày 20cm, đắp bằng đất chọn lọc cấp III, $K \geq 0,98$.

e) Thiết kế Bó vĩa, bó nền:

- Bó vĩa: Dạng vát góc kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều rộng bó vĩa 60cm. Lót móng bằng bê tông đá 1x2 M150 dày 6cm.

- Bó nền: Kích thước 30cm x 10cm, kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200, lót móng dùng bê tông đá 1x2 M150 dày 6cm.

- Thiết kế phần vuốt nổi tại vị trí qua đường lên vĩa hè cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng với kích thước rộng 1,2m dài 1,5m.

g) Thiết kế vĩa hè:

- Vĩa hè mỗi bên rộng 6m, trên vĩa hè bố trí mương thoát nước, các hố ga thu nước, điện chiếu sáng và cây xanh.

- Độ dốc ngang vĩa hè 2% hướng xuống mặt đường.

- Kết cấu vĩa hè từ trên xuống dưới:

- + Lát gạch terrazzo kích thước 30x30x3cm, vữa M75.
- + Lớp BT đá 1x2 M150 dày 8cm.
- + Nền đắp đất cấp III chọn lọc, $K \geq 0,95$.
- + Vết hữu cơ, đắp trả lại bằng đất cấp III chọn lọc, $K \geq 0,95$.

h) Kè chắn đất cuối tuyến:

- Chiều dài kè (theo phương dọc tuyến): 2m.
- Bề rộng kè: bằng mặt cắt ngang đường.
- Đắp đất theo cao độ thiết kế, lu lèn độ chặt $K \geq 95$.
- Taluy nền đường đắp 1:1.5.

i) Thiết kế cây xanh:

- Bố trí trồng cây xanh với khoảng cách khoảng 8m/1cây. Sử dụng cây sao đen cao 2m, đường kính gốc cây D4cm. Sau khi trồng cây chôn 4 cây cừ tràm dài 1,5m/cây giữ cây thẳng đứng.

- Vĩa bao hộc trồng cây xanh dạng tròn, đường kính 1.2m bằng bê tông xi măng M200, cao 20cm, dày 10cm (vị trí có thể xô dịch trong khoảng 1÷3m, tránh trồng trước các công trình, hố ga, trụ điện, trước cửa nhà dân).

k) Thiết kế tín hiệu giao thông:

- Bố trí hệ thống biển báo hiệu, vạch sơn theo QCVN41:2016/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.

l) Thiết kế thoát nước mưa:

- Từ Km0+016 đến Km1+952: Bố trí mương thoát nước mưa có nắp đậy dọc hai bên tuyến đường đặt trên vỉa hè bằng BT đá 1x2 M250 (loại 1) đổ tại chỗ kích thước lòng mương (60x60)cm, nắp đan bằng BTCT đúc sẵn đá 1x2 M300 kích thước (78x99x15)cm, chiều dày thành mương 20cm. Lốp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Từ Km0+465 Đến Km0+853: Bố trí mương thoát nước mưa có nắp đậy bên trái tuyến đường đặt trên vỉa hè bằng BTCT đá 1x2 M250 (loại 2), cấu tạo mương gồm 2 phân đoạn (đoạn đúc sẵn tới chiều cao 95cm, đoạn đúc tại chỗ đoạn trên mương chiều cao 99cm), kích thước lòng mương (60x189)cm, nắp đan bằng BTCT đá 1x2 M300 kích thước (78x99x15)cm, chiều dày thành mương 20cm. Lốp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Tại các vị trí mương băng ngang đường sử dụng mương BTCT đá 1x2 M250 (loại 3), cấu tạo mương gồm 2 phân đoạn (đoạn đúc sẵn cao 65cm và phân đoạn đổ tại chỗ có chiều cao thay đổi), nắp đan bằng BTCT đá 1x2 M300 kích thước (70x120x15)cm, chiều dày thành mương 15cm. Lốp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Hố ga: Khoảng 30m bố trí 1 hố ga theo chiều dọc tuyến nằm trên vỉa hè để thu, lắng rác; Kích thước 1,2m x 1,2m, chiều cao thay đổi theo độ dốc. Hố ga được bố trí cả hai bên. Kết cấu hố ga bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M300, lốp lót bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm. Tại các vị trí hố ga bố trí máng thu nước bằng BT đá 1x2 M250 (có lưới thép chắn rác) để thu nước trực tiếp từ mặt đường vào hố ga.

m) Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng:

- Xây dựng tủ điều khiển hệ thống chiếu sáng trọn bộ kích thước 600x800x350mm.

- Đường truyền dẫn điện là hệ thống cáp hạ thế đi ngầm CXV/DSTA/PVC 2X16MM².

- Bố trí cột đèn chiếu sáng cách mép đường khoảng 0,65m, khoảng cách trụ trung bình 30m.

- Trụ đèn chiếu sáng hình bát giác bằng thép mạ kẽm cao 8m, cần đèn đơn cao 2m, vươn xa 1,5m. Móng trụ bằng bê tông đá 1x2 M200, kích thước móng (60x60x110)cm.

- Đèn chiếu sáng là đèn Led 5 cấp, công suất 80/40W.

10. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- QCVN 07:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- QCVN 41:2016/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- TCXDVN 104:2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

- 22TCN 211:2006: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế

- TCVN 4054: 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế

- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình.

- 96 TCN 43:1990: Quy phạm đo vẽ địa hình.

- 22TCN 262:2000: Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu - tiêu chuẩn thiết kế.

- 22TCN 263:2000: Quy trình khảo sát đường ô tô.

- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9844:2013- Vải địa kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu

- QCVN07-7:2016/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình chiếu sáng.

- TCVN 10332:2014- Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn.

- TCVN 5573:2011- Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9113.2012- Ống bê tông cốt thép thoát nước.

Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành khác có liên quan thiết kế công trình.

11. Giá trị dự toán xây dựng công trình làm tròn: **84.029.082.000 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	35.667.503.153 đồng
- Chi phí thiết bị:	0 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	771.974.468 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.276.859.804 đồng
- Chi phí khác:	581.374.983 đồng
- Chi phí dự phòng:	6.148.219.918 đồng

- Chi phí GPMB: 38.583.150 đồng

(Đính kèm bảng phụ lục dự toán xây dựng công trình)

12. Nguồn vốn: ngân sách tỉnh.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2023.

14. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức xác định định mức dự toán xây dựng công trình làm cơ sở xác định đơn giá xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2018 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Đối với các vật tư, thiết bị không có trong thông báo giá của liên Sở Xây dựng - Tài chính, chủ đầu tư phải xác định giá theo đúng quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xác định giá gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Các chi phí thiết bị đang được tạm tính, chủ đầu tư phải tổ chức xác định giá thiết bị theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để xác định giá gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Dự toán xây dựng, dự toán xây dựng công trình là cơ sở xem xét, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo phù hợp tiến độ thực hiện dự án, không dùng để thanh toán quyết toán.

- Đối với các công việc đã thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại giá trị cho phù hợp với quy định tương ứng với thời điểm thực hiện.

- Sử dụng chi phí dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp để phát sinh công việc không cần thiết hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí gây thất thoát, lãng phí vốn đầu tư.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, báo cáo kết quả thẩm tra, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và an toàn, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng đơn vị thi công, đơn vị giám sát và các đơn vị liên quan có biện pháp thi công phù hợp, đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, công trình hiện hữu trong phạm vi thực hiện dự án; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi,... ảnh hưởng đến người dân khu vực thực hiện dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan, tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND huyện Tân Phú và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

11-19

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Hùng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

BẢNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Stt	Nội dung chi phí	Thành tiền (đồng)
I	Chi phí giải phóng mặt bằng	38,583,150,000
II	Chi phí xây dựng	35,667,503,153
-	Xây dựng đường	23,239,560,994
-	Xây dựng hệ thống thoát nước	10,262,548,204
-	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng	2,165,393,955
III	Chi phí Quản lý dự án	771,974,468
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	2,276,859,804
1	Chi phí khảo sát BCNCKT	422,859,000
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	
3	Chi phí thẩm tra ATGT	217,101,000
4	Chi phí khảo sát TKBVTC	450,000,000
5	Chi phí thiết kế BVTC	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	47,402,112
7	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	45,333,397
8	Chi phí giám sát TCXD	912,196,393
9	Chi phí lập HS MT, đánh giá hồ sơ dự thầu	81,477,874
-	Nhà thầu thi công xây dựng	71,834,351
-	Nhà thầu tư vấn bước lập TKBVTC (KS + TKBVTC)	2,200,000
-	Nhà thầu giám sát	7,443,523
10	Chi phí thẩm tra dự toán công tác nghiệm thu công trình xây dựng	2,200,000
11	Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính	98,290,029
V	CHI PHÍ KHÁC	581,374,983
1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	50,000,000
2	Chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	13,093,651
3	Chi phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu	39,867,503
-	Nhà thầu thi công xây dựng	35,667,503
-	Nhà thầu tư vấn bước lập TKBVTC (KS + TKBVTC)	2,200,000
-	Nhà thầu giám sát	2,000,000
4	Chi phí kiểm toán	125,996,263
-	Chi phí kiểm toán vốn Chi phí GPMB	41,486,532

	- Chi phí kiểm toán vốn đầu tư còn lại	84,509,731
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình	73,676,029
	- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn chi phí GPMB	24,259,156
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư còn lại	49,416,873
6	Chi phí bảo hiểm công trình	96,302,259
	- Phân đường, thoát nước, điện chiếu sáng	96,302,259
7	Chi kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	182,439,279
VI	TMĐT của dự án sau loại trừ chi phí GPMB	77,880,862,408
VII	Dự phòng phí	6,148,219,918
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	3,894,043,120
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	2,254,176,798
VIII	Tổng cộng	84,029,082,326
	Làm tròn	84,029,082,000